TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung.

2. Ông Võ Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Long An B, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cũ (nay là ấp Long An B, xã Đông P, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1980. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Ấp Long An B, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cũ (nay là ấp Long An B, xã Đông P, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Y có quen biết và tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2012, quyển 01/2012, cấp ngày 22/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 24/7/2004, Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ), sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/2016. Hiện do cháu Sđã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, cháu Mvà cháu T. Không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Văn Y không đến Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không ghi được lời khai của anh Nguyễn Văn Y.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Y vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y; Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ), sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Trúc L nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Trúc L chưa có yêu cầu anh Nguyễn Văn Y cấp dưỡng nên anh Nguyễn Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 24/7/2004 đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn Y do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Y và yêu cầu giải quyết con chung, do anh

Nguyễn Văn Y có địa chỉ cư trú ở ấp Long An B, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Long An B, xã Đông P, thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Y vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn Y tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang ngày 22/3/2012 (nay là Ủy ban nhân dân xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 6/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn Y nhưng anh Nguyễn Văn Y vẫn vắng mặt, cho thấy anh Nguyễn Văn Y không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Trúc L. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn Y đã trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai có 04 con chung tên Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 24/7/2004, Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ), sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/2016. Do cháu Sđã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và tự quyết định cuộc sống, không phụ thuộc vào cha mẹ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Đối với các cháu Nguyễn Thị Trúc H, Nguyễn Thị Trúc Mai, Nguyễn Thành T đang sống chung với chị Linh và có nguyện vọng được sống cùng chị Linh. Đồng thời chị Linh cũng có yêu cầu nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ), sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/201 cho chị Linh tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Y không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu nên anh Nguyễn Văn Y không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Các Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y.

2. Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 24/7/2004, Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ) sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/2016. Do cháu Sđã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc H (nữ), sinh ngày 23/8/2008, Nguyễn Thị Trúc M(nữ) sinh ngày 22/11/2011, Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 30/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Trúc L nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Y không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Do chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu nên anh Nguyễn Văn Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Trúc L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, án phí Tòa án số: 0005053 ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L và bị đơn anh Nguyễn Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đô